

Công Ty Cổ Phần
Đầu Tư Tài Chính
Thương Mại dịch
vụ FICO

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Đầu Tư
Tài Chính Thương Mại dịch vụ FICO
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ NỘI,
CN=Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính
Thương Mại dịch vụ FICO,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0102290682
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2021-03-30 14:34:34

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH,
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 32
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 32

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102290682 ngày 07 tháng 6 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là:

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của động cơ khai thác than;
- Bán buôn thiết bị phục vụ trong công tác an ninh, quản lý phạm nhân;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Cúc	Ủy viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc
Bà Nguyễn Hương Huyền	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Giám đốc (tiếp theo)

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

Số : *MM...*/2021/BCKT/AASCN.PB**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ FICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư khoản cho bà Phạm Hải Yến vay ngắn hạn là **20.122.000.000** đồng. Đây là khoản cho vay kỳ hạn 03 tháng được điều chuyển công nợ tạm ứng phát sinh từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2010. Đến 31 tháng 12 năm 2020, khoản vay này đã quá hạn thanh toán. Công ty đã thực hiện trích dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% giá trị cho vay. Đồng thời, khoản cho vay nêu trên cũng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020. Do vậy, chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của khoản cho vay nêu trên cũng như không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết khác có liên quan trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020 của Công ty.
- Chúng tôi không được cung cấp kế hoạch chi tiết tạm ứng được phê duyệt, cũng như kế hoạch quyết toán của số dư tạm ứng cho cán bộ công nhân viên của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 với số tiền là **17.545.320.892** đồng (số dư tạm ứng tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là **18.315.185.743** đồng). Đồng thời, chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để khẳng định mục đích sử dụng khoản tạm ứng này dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, chúng tôi không đưa ra được ý kiến về mục đích tạm ứng, không đánh giá được khả năng liệu có phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của khoản tạm ứng nêu trên cũng như không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết khác có liên quan trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020 của Công ty.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư khoản phải thu khác là **8.144.845.835** đồng. Trong đó, phải thu của ông Nguyễn Văn Cúc là **4.288.800.000** đồng và bà Đỗ Thị Oanh là **937.311.225** đồng chưa được đối chiếu, xác nhận (số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là **4.288.800.000** đồng và **937.311.225** đồng). Do vậy, chúng tôi không đánh giá được khả năng liệu có phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của khoản phải thu khác nêu trên cũng như không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết khác có liên quan trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020 của Công ty.
- Khoản công nợ phải trả người bán Công ty Yunan machinery IMP&EXP Company tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số tiền là **23.520.428.363** đồng và công nợ phải trả ngắn hạn khác liên quan đến dự án Ao Sào, số tiền là **800.000.000** đồng chưa được đối chiếu xác nhận với các đối tượng có liên quan. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Headquarters

29, Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

4**The North Branch**

LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietnh.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản đầu tư vào công ty liên kết – Công ty Cổ phần Khách sạn Phú Gia là **11.204.490.000** đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là **11.204.490.000** đồng). Chúng tôi chưa được cung cấp báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Khách sạn Phú Gia. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc



Bùi Thị Ngọc Lan

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Nguyên Nhung

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3360-2020-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.141.812.750	49.997.164.601
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		876.317.682	2.593.349.229
1.	Tiền	111	V.01	876.317.682	2.593.349.229
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.812.607.787	40.937.542.008
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	10.511.831.000	2.041.431.500
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	7.450.233.360	6.419.078.930
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.06	20.122.000.000	20.122.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	25.850.543.427	26.440.031.578
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(20.122.000.000)	(14.085.000.000)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		6.452.887.281	6.466.273.364
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	176.854.800	128.489.015
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.276.032.481	6.337.784.349
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.482.241.733	19.633.945.382
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		360.910.075	226.508.900
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	360.910.075	226.508.900
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		846.261.731	1.132.366.555
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	846.261.731	1.132.366.555
	- Nguyên giá	222		2.287.325.510	2.287.325.510
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.441.063.779)	(1.154.958.955)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.09	7.070.579.927	7.070.579.927
	- Nguyên giá	231		7.070.579.927	7.070.579.927
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	11.204.490.000	11.204.490.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.204.490.000	11.204.490.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		70.624.054.483	69.631.109.983

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		50.751.860.707	40.217.313.177
I.	Nợ ngắn hạn	310		50.751.860.707	40.187.013.177
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	34.554.901.353	26.684.639.453
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	9.704.498.000	5.151.059.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	76.159.828	55.149.759
4.	Phải trả người lao động	314		-	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.840.435.458	5.714.134.007
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	445.435.110	2.451.600.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		130.430.958	130.430.958
II.	Nợ dài hạn	330		-	30.300.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	-	30.300.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.872.193.776	29.413.796.806
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	19.872.193.776	29.413.796.806
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.120.000.000	55.120.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.120.000.000	55.120.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		4.103.472.704	4.103.472.704
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(39.351.278.928)	(29.809.675.898)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(29.809.675.898)	(21.242.923.322)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(9.541.603.030)	(8.566.752.576)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		70.624.054.483	69.631.109.983

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Ly

Nguyễn Hương Huyền

Nguyễn Tuấn Anh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	25.112.508.188	15.208.178.637
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		25.112.508.188	15.208.178.637
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	23.878.299.873	14.146.195.471
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.234.208.315	1.061.983.166
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.124.301	2.431.169
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	118.265.581	332.345.518
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.299.181	294.096.093
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.06	164.380.637	208.756.409
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	10.474.655.492	9.086.468.971
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.521.969.094)	(8.563.156.563)
11.	Thu nhập khác	31		-	-
12.	Chi phí khác	32	VI.05	19.633.936	3.596.013
13.	Lợi nhuận khác	40		(19.633.936)	(3.596.013)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.541.603.030)	(8.566.752.576)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(9.541.603.030)	(8.566.752.576)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	(1.731)	(1.554)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.08	(1.731)	(1.554)

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Ly

Nguyễn Hương Huyền

Nguyễn Tuấn Anh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(9.541.603.030)	(8.566.752.576)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		286.104.824	286.554.796
-	Các khoản dự phòng	03		6.037.000.000	3.674.000.000
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.124.301)	(2.431.169)
-	Chi phí lãi vay	06		46.299.181	294.096.093
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(3.173.323.326)	(4.314.532.856)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.984.715.086)	524.297.079
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		12.571.012.420	3.247.879.861
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(48.365.785)	294.329.167
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(46.299.181)	(294.096.093)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		318.309.042	(542.122.842)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.124.301	2.431.169
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		1.124.301	2.431.169

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
 Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		415.135.110	6.787.517.943
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.451.600.000)	(6.239.117.943)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.036.464.890)	548.400.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.717.031.547)	8.708.327
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.593.349.229	2.584.640.902
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		876.317.682	2.593.349.229

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Ly

Nguyễn Hương Huyền

Nguyễn Tuấn Anh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là:

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của động cơ khai thác than;
- Bán buôn thiết bị phục vụ trong công tác an ninh, quản lý phạm nhân;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền	876.317.682	2.593.349.229
+ Tiền mặt	518.758.247	1.780.343.304
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	357.559.435	813.005.925
Cộng	876.317.682	2.593.349.229

Đơn vị tính: VND

02. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.204.490.000	-	
+ Công ty Cổ phần Khách sạn Phú Gia	30	11.204.490.000	-	30
Cộng		11.204.490.000	-	30

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	10.511.831.000	2.041.431.500
- Công ty Than Mông Dương	-	230.620.500
- Trại giam Gia Trung	-	239.600.000
- Trại giam Long Hòa	219.800.000	219.800.000
- Công ty Than Dương Huy	4.658.150.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu than - Vinacomin	1.061.280.000	-
- Trại giam Thanh Phong	1.723.151.000	1.223.151.000
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Đại An Phát	1.046.100.000	
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	1.803.350.000	128.260.000
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	10.511.831.000	2.041.431.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.450.233.360	6.419.078.930
- Công ty Cổ phần Giải pháp Kỹ thuật Thời đại	7.450.233.360	5.975.078.930
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	-	444.000.000
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	7.450.233.360	6.419.078.930

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
a. Ngắn hạn	25.850.543.427	-	26.440.031.578	-
- Tạm ứng	17.545.320.892	-	18.315.185.743	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	160.376.700	-	-	-
- Phải thu khác	8.144.845.835	-	8.124.845.835	-
+ Tổng Công ty Đầu tư hạ tầng và đô thị Viglacera	2.898.734.610	-	2.898.734.610	-
+ Ông Nguyễn Thanh Tú	20.000.000	-	-	-
+ Ông Nguyễn Văn Cúc (*)	4.288.800.000	-	4.288.800.000	-
+ Đỗ Thị Oanh	937.311.225	-	937.311.225	-
b. Dài hạn	360.910.075	-	226.508.900	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	360.910.075	-	226.508.900	-
Cộng	26.211.453.502	-	26.666.540.478	-

(*) Là khoản tạm ứng để lo chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung của lô SM12A thuộc dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Thanh Dương (Dự án khu tổ hợp du lịch Sonasea Villas and Resort 2) theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 02/BB-HĐQT ngày 05 tháng 01 năm 2018.

06. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
a. Ngắn hạn	20.122.000.000	(20.122.000.000)	20.122.000.000	(14.085.000.000)
- Bà Bùi Hải Yến	20.122.000.000	(20.122.000.000)	20.122.000.000	(14.085.000.000)
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	20.122.000.000	(20.122.000.000)	20.122.000.000	(14.085.000.000)

07. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
- Bà Bùi Hải Yến	20.122.000.000	-	20.122.000.000	6.037.000.000
Cộng	20.122.000.000	-	20.122.000.000	6.037.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>2.159.480.000</i>	<i>127.845.510</i>	<i>2.287.325.510</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>2.159.480.000</i>	<i>127.845.510</i>	<i>2.287.325.510</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.043.283.273</i>	<i>111.675.682</i>	<i>1.154.958.955</i>
- Khấu hao trong năm	269.934.996	16.169.828	286.104.824
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>1.313.218.269</i>	<i>127.845.510</i>	<i>1.441.063.779</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>1.116.196.727</i>	<i>16.169.828</i>	<i>1.132.366.555</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>846.261.731</i>	<i>-</i>	<i>846.261.731</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 127.845.510 đồng.

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 2.159.480.000 đồng và 846.261.731 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thăng Long.

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá	7.070.579.927	-	-	7.070.579.927
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	7.070.579.927	-	-	7.070.579.927
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Tổn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại	7.070.579.927	-	-	7.070.579.927
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	7.070.579.927	-	-	7.070.579.927
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 - “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

*Đơn vị tính: VND***10. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	176.854.800	128.489.015
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	175.000.000	86.000.000
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.854.800	42.489.015
b. Dài hạn	-	-
Cộng	176.854.800	128.489.015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
- <i>Vay ngân hàng</i>	2.451.600.000	2.451.600.000	445.435.110	2.451.600.000	445.435.110	445.435.110
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	2.100.000.000	2.100.000.000	415.135.110	2.100.000.000	415.135.110	415.135.110
+ Ngân hàng TMCP Bản Việt – CN Hà Nội ^(a)	-	-	415.135.110	-	415.135.110	415.135.110
- <i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	351.600.000	351.600.000	30.300.000	351.600.000	30.300.000	30.300.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	351.600.000	351.600.000	30.300.000	351.600.000	30.300.000	30.300.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
b.1 Vay dài hạn	30.300.000	30.300.000	-	30.300.000	-	-
Từ 1 năm đến 5 năm	30.300.000	30.300.000	-	30.300.000	-	-
- <i>Vay ngân hàng</i>	30.300.000	30.300.000	-	30.300.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	30.300.000	30.300.000	-	30.300.000	-	-
Cộng	2.481.900.000	2.481.900.000	445.435.110	2.481.900.000	445.435.110	445.435.110

^(a) Là khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt – chi nhánh Hà Nội để bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất 10%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ BT5.6, khu chức năng đô thị Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Nợ quá hạn thanh toán	Giá trị	Nợ quá hạn thanh toán	
a. Phải trả người bán ngắn hạn					
- Công ty Yunan machinery IMP&EXP Company	34.554.901.353	26.057.294.453	26.684.639.453	24.779.960.863	
- Công ty HH Thương mại Quốc tế Lianyung Zhongji Quảng Tây	23.520.428.363	23.520.428.363	23.520.428.363	23.520.428.363	
- Công ty Cổ phần Tre Việt	4.121.992.500	-	-	-	
- Công ty HH Thương mại ShengRuiKai Quảng Tây	1.259.532.500	1.259.532.500	1.259.532.500	1.259.532.500	
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	3.557.250.000	-	-	-	
b. Phải trả người bán dài hạn	2.095.697.990	1.277.333.590	1.904.678.590	-	
Cộng	-	-	-	-	
	34.554.901.353	26.057.294.453	26.684.639.453	24.779.960.863	

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Nợ quá hạn thanh toán	Giá trị	Nợ quá hạn thanh toán
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
- Trại giam Kim Sơn	9.704.498.000	5.151.059.000	9.704.498.000	5.151.059.000
- Trại giam Gia Trung	-	1.268.900.000	-	1.268.900.000
- Trại giam Sông Cái	5.387.834.000	-	5.387.834.000	-
- Trại giam số 5	1.627.914.000	542.640.000	1.627.914.000	542.640.000
- Trại giam Thanh Lâm	-	1.842.500.000	-	1.842.500.000
- Trại giam Quảng Ninh	2.688.750.000	1.003.575.000	2.688.750.000	1.003.575.000
- Bệnh viện chăm cứu Trung ương	-	493.444.000	-	493.444.000
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Cộng	9.704.498.000	5.151.059.000	9.704.498.000	5.151.059.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.111.298.610	1.111.298.610	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	55.149.759	25.123.850	4.113.781	-	76.159.828
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	9.274.000	9.274.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	-	55.149.759	1.149.696.460	1.128.686.391	-	76.159.828

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	5.840.435.458	5.714.134.007
- Kinh phí công đoàn	178.081.787	172.825.119
- Bảo hiểm xã hội	93.394.089	41.578.200
- Bảo hiểm y tế	3.846.043	7.484.050
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.136.691	4.157.790
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	2.596.200.000	2.596.200.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.966.776.848	2.891.888.848
+ Phải trả tiền thu của khách hàng từ dự án Ao Sào	800.000.000	800.000.000
+ Thù lao HĐQT và BKS	846.033.848	641.145.848
+ Ông Nguyễn Bá Tuấn	300.000.000	430.000.000
+ Bà Đỗ Thị Tâm	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Phải trả khác	20.743.000	20.743.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	5.840.435.458	5.714.134.007

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	55.120.000.000	4.103.472.704	(21.242.923.322)	37.980.549.382
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	(8.566.752.576)	(8.566.752.576)
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	55.120.000.000	4.103.472.704	(29.809.675.898)	29.413.796.806
Số dư đầu năm nay	55.120.000.000	4.103.472.704	(29.809.675.898)	29.413.796.806
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong năm nay	-	-	(9.541.603.030)	(9.541.603.030)
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	55.120.000.000	4.103.472.704	(39.351.278.928)	19.872.193.776

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông	55.120.000.000	100	55.120.000.000	100
Cộng	55.120.000.000	100	55.120.000.000	100

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 306.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 55.120.000.000 đồng

Vốn điều lệ góp thiếu là: 250.880.000.000 đồng

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	55.120.000.000	55.120.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	55.120.000.000	55.120.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.600.000	30.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.512.000	5.512.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.512.000	5.512.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.512.000	5.512.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.512.000	5.512.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	4.103.472.704	4.103.472.704
Cộng	4.103.472.704	4.103.472.704

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	16.298.481.818	10.892.437.728
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.814.026.370	4.315.740.909
Cộng	25.112.508.188	15.208.178.637

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.385.910.100	10.012.433.675
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	8.492.389.773	4.133.761.796
Cộng	23.878.299.873	14.146.195.471

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.124.301	2.431.169
Cộng	1.124.301	2.431.169

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	46.299.181	294.096.093
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	71.966.400	38.249.425
Cộng	118.265.581	332.345.518

05. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt	19.633.936	3.596.013
Cộng	19.633.936	3.596.013

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	10.474.655.492	9.086.468.971
- Chi phí nhân viên quản lý	3.054.225.879	2.722.731.871
- Chi phí khấu hao TSCĐ	286.104.824	286.554.796
- Thuế, phí và lệ phí	11.419.200	9.032.341
- Chi phí dự phòng	6.037.000.000	3.674.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	635.554.178	305.239.546
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	450.351.411	2.088.910.417
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	164.380.637	208.756.409
- Chi phí khác bằng tiền	164.380.637	208.756.409
Cộng	10.639.036.129	9.295.225.380

07. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(9.541.603.030)	(8.566.752.576)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.541.603.030)	(8.566.752.576)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.512.000	5.512.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.731)	(1.554)

Đơn vị tính: VND

08. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(9.541.603.030)	(8.566.752.576)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.541.603.030)	(8.566.752.576)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	5.512.000	5.512.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.731)	(1.554)

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	3.054.225.879	2.722.731.871
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	286.104.824	286.554.796
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.127.943.951	4.439.001.342
- Chi phí khác bằng tiền	626.151.248	2.306.699.167
- Chi phí dự phòng	6.037.000.000	3.674.000.000
Cộng	19.131.425.902	13.428.987.176

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	<i>Đơn vị tính: VND</i> Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	1.371.929.818	1.384.454.000
Cộng	1.371.929.818	1.384.454.000

	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc	291.780.727	120.000.000	411.780.727
Nguyễn Văn Cúc	Phó giám đốc	-	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Bá Tuấn	Phó giám đốc	229.007.273	24.000.000	253.007.273
Nguyễn Văn Huynh	Phó giám đốc	229.007.273	-	229.007.273
Nguyễn Thanh Tú	Phó giám đốc	234.007.273	-	234.007.273
Nguyễn Hương Huyền	Kế toán trưởng	220.127.273	-	220.127.273
Cộng		1.203.929.818	168.000.000	1.371.929.818

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của động cơ khai thác than; Kinh doanh thiết bị phục vụ trong công tác an ninh;
- Lĩnh vực xây dựng: Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Thương mại</u>	<u>Xây dựng</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	16.298.481.818	8.814.026.370	25.112.508.188
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	20.763.998.804	13.870.478.478	34.634.477.282
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(4.465.516.986)	(5.056.452.108)	(9.521.969.094)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	143.052.412	143.052.412	286.104.824
Số dư cuối năm			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	25.543.981.257	25.928.685.617	51.472.666.874
- Tài sản không phân bổ			19.151.387.609
Tổng tài sản	25.543.981.257	25.928.685.617	70.624.054.483
- Nợ phải trả bộ phận	37.943.484.106	12.677.945.643	50.621.429.749
- Nợ phải trả không phân bổ			130.430.958
Tổng nợ phải trả	37.943.484.106	12.677.945.643	50.751.860.707

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thương mại	Xây dựng	Đầu tư kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính	Cộng
Năm trước					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.892.437.728	4.315.740.909	-	-	15.208.178.637
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					-
- Chi phí phân bổ	12.418.718.607	6.540.046.728	2.406.284.932	2.406.284.933	23.771.335.200
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(1.526.280.879)	(2.224.305.819)	(2.406.284.932)	(2.406.284.933)	(8.563.156.563)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	71.638.699	71.638.699	71.638.699	71.638.699	286.554.796
Số dư cuối năm					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	11.017.726.599	14.555.374.029	15.646.875.026	25.817.785.100	67.037.760.754
- Tài sản không phân bổ					2.593.349.229
Tổng tài sản	11.017.726.599	14.555.374.029	15.646.875.026	25.817.785.100	69.631.109.983
- Nợ phải trả bộ phận	38.486.882.219	1.600.000.000	-	-	40.086.882.219
- Nợ phải trả không phân bổ					130.430.958
Tổng nợ phải trả	38.486.882.219	1.600.000.000	-	-	40.217.313.177

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	876.317.682	-	2.593.349.229	-
Phải thu về cho vay	20.122.000.000	(20.122.000.000)	20.122.000.000	(14.085.000.000)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.656.676.835	-	10.166.277.335	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	39.654.994.517	(20.122.000.000)	32.881.626.564	(14.085.000.000)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	34.554.901.353	26.684.639.453	(*)	(*)
Vay và nợ	445.435.110	2.481.900.000	(*)	(*)
Chi phí phải trả	-	-	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	5.562.976.848	5.488.088.848	(*)	(*)
Cộng	40.563.313.311	34.654.628.301		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	34.554.901.353	-	-	34.554.901.353
Vay và nợ	445.435.110	-	-	445.435.110
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	5.562.976.848	-	-	5.562.976.848
Cộng	40.563.313.311	-	-	40.563.313.311
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	26.684.639.453	-	-	26.684.639.453
Vay và nợ	2.451.600.000	30.300.000	-	2.481.900.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	5.488.088.848	-	-	5.488.088.848
Cộng	34.624.328.301	30.300.000	-	34.654.628.301

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Ly

Nguyễn Hương Huyền

Nguyễn Tuấn Anh

